



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

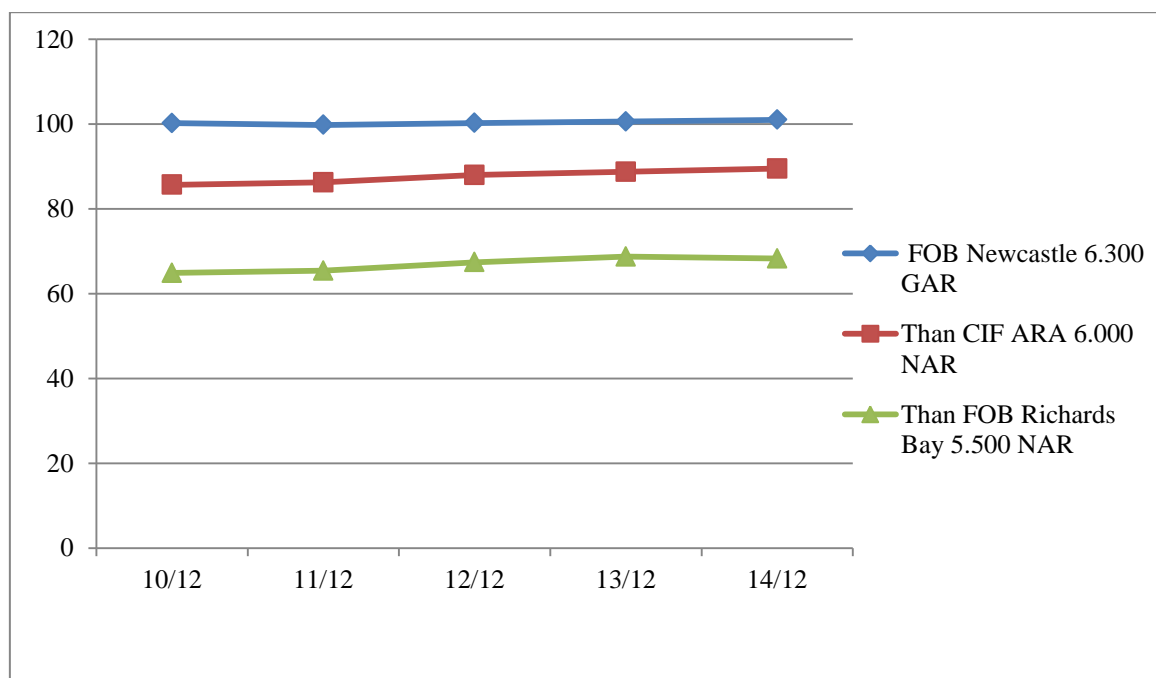
Ngày 02/01/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,00	+0,40	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	89,50	+0,75	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	68,30	+0,45	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	68,10	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	46,40	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	38,30	+0,00	263,34	+1,11
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	54,30	+0,00	373,35	+1,57
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	72,70	+0,00	499,86	+2,10

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/12/2018)

ĐIỂM TIN

Tính đến tháng 11, sản lượng than của Ấn Độ đạt 430 triệu tấn

Sản lượng than nguyên khai của Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2018 đạt 433,896 triệu tấn, sản lượng trong cùng kỳ năm 2017 đạt 394,910 triệu tấn, theo tuyên bố của Bộ Than. Tỷ lệ tăng trưởng về sản lượng trong cả giai đoạn đạt 9,8%. Tuyên bố cũng cho biết sản lượng than khai thác của Coal India (CIL) trong giai đoạn này đạt 358,322 triệu tấn và than offtake đạt 392,091 triệu tấn. Trong năm tài chính 2017-2018, CIL đã phê duyệt năm dự án với tổng công suất hàng năm đạt 24,85 triệu tấn, vốn 42,64 tỷ Rupee. Để giải quyết vấn đề phân phối than từ ba mỏ than, chính phủ Ấn Độ đã bổ sung ba dự án đường sắt tại Jharkhand, Odisha và Chhattisgarh”. Mặc dù sản lượng tăng cao, số lượng các nhà máy nhiệt điện có lượng than dự trữ thiếu hụt nghiêm trọng và rất nghiêm trọng lại tăng lên. Đến cuối tháng 11, các nhà máy nhiệt điện có lượng than dự trữ thiếu hụt nghiêm trọng và rất nghiêm trọng xuống mức 8 ngày vận hành hoặc tương đương 12,94 triệu tấn.

CIL cung cấp 25% sản lượng than cho các công ty ngoài điện lực

Coal India đã quyết định cung cấp 25% sản lượng của mình cho các công ty ngoài điện lực, phần còn lại sẽ được cung cấp cho các dự án nhà máy nhiệt điện được ưu tiên. Giám đốc điều hành Coal India cho biết: “Các công ty ngoài điện lực được dự đoán sẽ được cung cấp 25% sản lượng của Coal India bắt đầu từ tháng 1, và có thể kéo dài đến 2019-2020”. Coal India được dự đoán sẽ cung cấp 680 triệu tấn than trong năm tài chính hiện tại. Giữa tháng 1 và tháng 3 năm tới, CIL lên kế hoạch sản xuất 170 triệu tấn than, 25% tương đương khoảng 42 triệu tấn.

Hiện tại, khoảng 85-90%, và trong một số trường hợp, toàn bộ sản lượng than, được vận chuyển đến các nhà máy điện. Trong thời gian vừa qua, các công ty con của Coal India đã nhận chỉ đạo từ chính phủ và các công ty đường sắt để vận chuyển toàn bộ sản lượng than của mình cho các nhà máy điện trong thời gian nhất định khi ngành điện lực phải đối mặt với tình trạng thiếu than do nhu cầu điện năng tăng cao. Một quan chức điều hành cấp cao của Coal India cho biết: “Chúng tôi thường xuyên phải cung cấp phần sản lượng tăng lên cho ngành điện lực”.

Universal Coal, Australia được cấp quyền khai thác cho dự án Eloff Nam Phi

Universal Coal, Australia đã được cấp quyền khai thác cho dự án Eloff tại Nam Phi, công ty dự kiến sẽ tăng tuổi thọ mỏ này và tăng sản lượng tại mỏ than nhiệt Kangala. CEO của Universal, ông Tony Weber cho biết: “Với tiềm năng khổng lồ của dự án này, chúng tôi mong muốn phát triển mỏ này như là khoản đầu tư lớn tiếp theo sau sự thành công của Kangala Colliery”. Eloff có trữ lượng khoảng 424 triệu tấn, công ty cho biết. Hồi đầu năm Universal cho biết dự án Eloff sẽ kéo dài tuổi thọ mỏ Kangala từ 4 năm thêm 20 năm. Kangala sản xuất trung bình 2,5 triệu tấn than nhiệt/năm, chủ yếu bán cho thị trường nội địa Nam Phi. Với việc giấy phép khai thác Eloff đã được cấp, các thủ tục cuối cùng cần được thông qua là Giấy phép sử dụng nước tích hợp và Giấy phép chất thải, khi đã xin được những giấy phép này, Universal Coal sẽ bắt đầu các hoạt động khai thác.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,60	+0,45
	Queensland	Nhật Bản	12,20	+0,55
	New South Wales	Hàn Quốc	13,05	+0,55
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,70	-0,05
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,80	+0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,90	+0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,40	+0,00
	Australia	Trung Quốc	12,15	+0,05
	Australia	Ấn Độ	13,15	+0,25

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/12/2018)